

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT**

**THÁNG 03/2013**

## MỤC LỤC

<b>I. Thông tin chung của Công ty</b> .....	3
1. Thông tin khái quát.....	3
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	4
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	5
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	6
5. Định hướng phát triển.....	7
6. Các rủi ro.....	8
<b>II. Tình hình hoạt động trong năm 2012</b> .....	8
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	8
2. Tổ chức và nhân sự.....	9
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	11
4. Tình hình tài chính.....	12
5. Cơ cấu cổ đông.....	13
<b>III. Báo cáo của Tổng Giám đốc</b> .....	15
1. Môi trường kinh doanh 2012.....	15
2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	16
3. Báo cáo tình hình tài chính.....	17
4. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	18
5. Giải trình của ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.....	18
<b>IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty</b> .....	250
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty.....	20
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc.....	20
3. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty.....	20
<b>V. Quản trị công ty</b> .....	
1. Hội đồng quản trị.....	252
2. Ban Kiểm soát.....	23
3. Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	24
<b>VI. Báo cáo tài chính</b> .....	25

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## NĂM 2012

๘๘๘

### I. Thông tin chung

#### 1. Thông tin khái quát :

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT**
- Tên gọi tắt bằng tiếng Việt: **Công ty Chứng Khoán Âu Việt**
- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **AU VIET SECURITIES CORPORATION**
- Tên viết tắt: **AVS**
- Địa chỉ trụ sở chính: **Lầu 3, tòa nhà Savimex, 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM.**
- Điện thoại: **84-8-3821 6789 - Fax: 84-8-3821 3399**
- E-mail: **info@avs.com.vn**
- Website: **www.avs.com.vn**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 57/UBCK-GPHDKD do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 05/07/2007.
- Ngành nghề kinh doanh: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và các dịch vụ tư vấn tài chính và dịch vụ tài chính khác theo Pháp Luật cho phép.
- Mã số thuế: **0305055349**
- Vốn điều lệ : **360.000.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tỷ đồng)**

## 2. Quá trình hình thành và phát triển :

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt (Au Viet Securities Corporation - AVS) được thành lập ngày 05/7/2007 theo giấy phép số 57/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp. Với vốn điều lệ ban đầu là 300 tỷ đồng (hiện nay là 360 tỷ đồng), Công ty cung cấp đa dạng các dịch vụ tư vấn tài chính và dịch vụ môi giới đầu tư chứng khoán cho các tổ chức và Nhà đầu tư cá nhân chiến lược trong và ngoài nước. AVS cũng được biết đến như là một trong những nhà môi giới thành công nhất trên thị trường phi tập trung (OTC) cho những giao dịch lớn.

### - Các mốc thời gian :

- Năm 2007:

- Trở thành thành viên thứ 60 của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp.HCM và thứ 59 của Trung Tâm GDGK Hà Nội.
- Mở văn phòng đại diện phía Bắc tại Hà Nội

- Năm 2008:

- Tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 360 tỷ đồng, chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10:2
- Chuyển trụ sở chính sang 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. HCM
- Chuyển văn phòng Hà Nội về 63 Hàm Long, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Mời ông Jeroen Sanders, chuyên gia về tài chính doanh nghiệp và ngân hàng đầu tư, với 35 năm kinh nghiệm làm việc trong ngân hàng ABN Ambro và từng là Tổng Giám Đốc CTCK Francois Dufour Kervern (Pháp) đến tư vấn xây dựng chiến lược.
- Hoàn thiện hơn 80 qui trình nghiệp vụ, nhằm giảm thiểu rủi ro và tiết kiệm thời gian và nhân lực.
- Khai trương dịch vụ SMS

- Năm 2009:

- Là 1 trong những CTCK đầu tiên kết nối giao dịch trực tuyến với HOSE;
- Khai trương dịch vụ Tư vấn Thuế TNCN miễn phí cho khách hàng
- Khai trương sản phẩm giao dịch qua internet (Autrade); Khai trương website phiên bản 2.0, với tiêu chí thân thiện và là cổng thông tin tài chính cho khách hàng
- Khai trương tổng đài đặt lệnh AuFone, giải quyết tình trạng nghẽn mạch trong giờ giao dịch

- Năm 2010:

- Khai trương chi nhánh Hà Nội;
- Thay đổi logo và hệ thống nhận diện thương hiệu
- Niêm yết cổ phiếu tại Sở GDCK Hà Nội.

- Năm 2011:

- Trước diễn biến hết sức bất lợi của các đợt biến động mạnh về tài chính- kinh tế đặc biệt với vàng, lạm phát, lãi suất ngân hàng, thị trường CK dao động giảm mạnh, công ty đã triển khai triệt để phương án tiết giảm chi tiêu, phòng ngừa rủi ro trong đó:
- Thực hiện đóng cửa chi nhánh Hà Nội;
- Tối giản nhân sự về mức cho phép nhưng vẫn bảo đảm hoạt động và quản trị công ty.
- Thực hiện quản trị rủi ro triệt để, bảo đảm hoạt động, an toàn chi tiêu tài chính cho doanh nghiệp và khách hàng. Hoàn toàn không để xảy ra bất kỳ sơ suất, trục trặc nào cho hoạt động giao dịch của khách hàng và công ty

- Năm 2012:

Những khó khăn và biến động kinh tế vĩ mô đã tác động rõ rệt vào TTCKVN. Năm 2012 là một năm khắc nghiệt và thách thức cho ngành tài chính- chứng khoán đối mặt với rất nhiều thông tin vĩ mô như nợ xấu tăng cao trong hệ thống ngân hàng ,các vụ sát nhập các ngân hàng yếu kém, số lượng các doanh nghiệp xin giải thể và phá sản liên tục tăng, trong khi đó thị trường bất động sản khó khăn, công ty đã triển khai triệt để phương án tiết giảm chi tiêu, thu hẹp hoạt động tất cả các mảng hoạt động kinh doanh, phòng ngừa rủi ro trong đó:

- Ngày 02/11/2012 DHCĐ bắt thường đã nhất trí thông qua việc tự nguyện chấm dứt tư cách thành viên tại HSX và HNX, đồng thời xin rút tư cách thành viên tại Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD).
- Tối giản nhân sự về mức cho phép nhưng vẫn bảo đảm hoạt động và quản trị công ty.
- Thực hiện quản trị rủi ro triệt để, bảo đảm hoạt động, an toàn chi tiêu tài chính cho doanh nghiệp và khách hàng. Hoàn toàn không để xảy ra bất kỳ sơ suất, trục trặc nào cho hoạt động giao dịch của khách hàng và công ty.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

#### 3.1 Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán

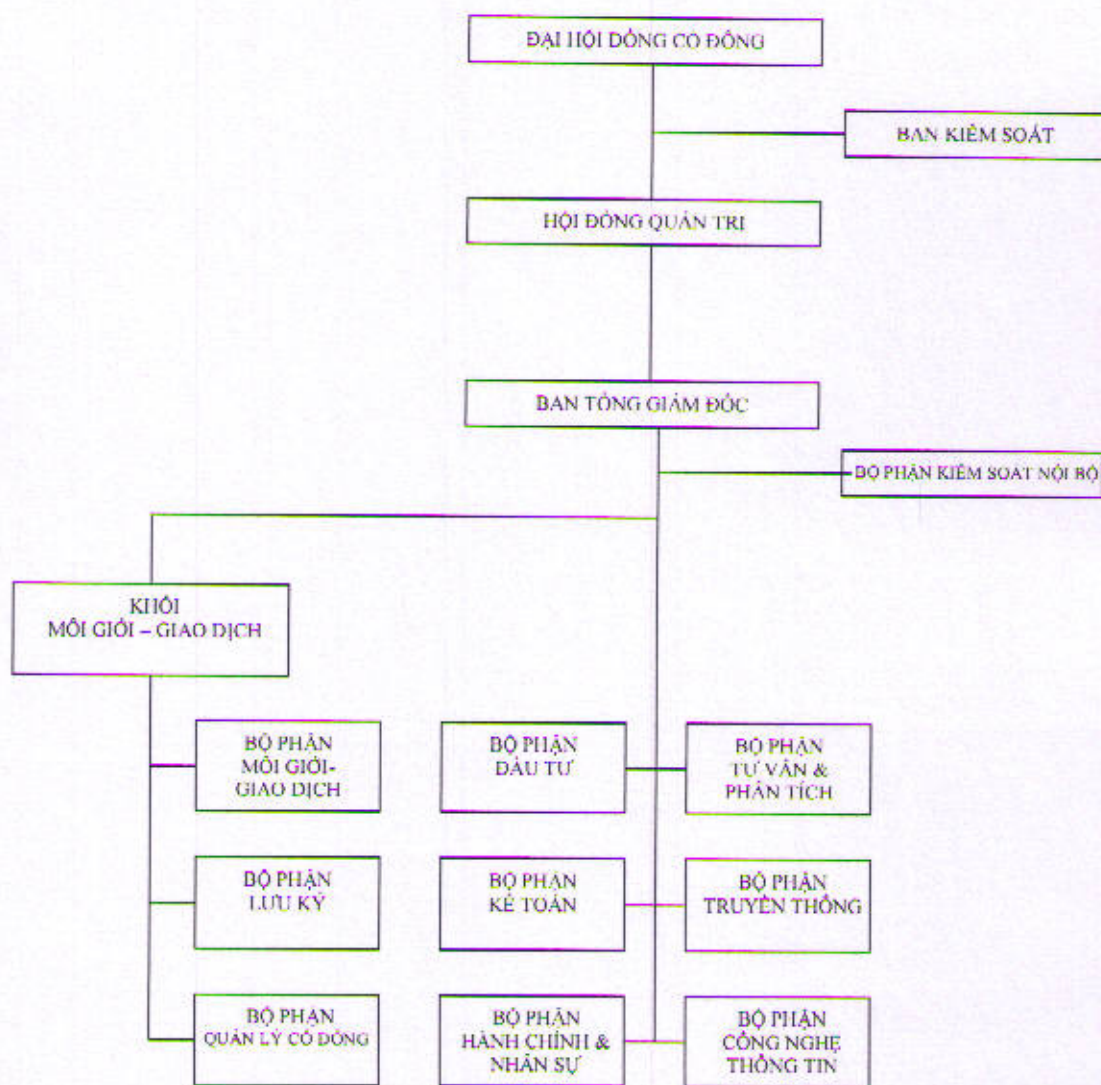
- Tự doanh chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Lưu ký chứng khoán
- Các dịch vụ tư vấn tài chính và dịch vụ tài chính khác theo Pháp Luật cho phép.

3.2 .Địa bàn kinh doanh:

- - Hiện tại công ty hoạt động chủ yếu tại hội sở tại Lầu 3, tòa nhà Savimex, 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1 . Mô hình quản trị :



#### 4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý :

##### **Đại hội đồng cổ đông:**

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của AVS, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ AVS quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của AVS và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo.

##### **Hội đồng quản trị:**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh AVS để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của AVS, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám Đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật và điều lệ AVS, các quy chế nội bộ của AVS và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Hiện tại HĐQT của AVS có 05 thành viên, có nhiệm kỳ là 5 năm.

##### **Ban kiểm soát:**

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của AVS. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

##### **Ban Tổng Giám Đốc:**

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Âu Việt được điều hành bởi Ban Tổng Giám đốc gồm có Tổng Giám đốc và 1 phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của AVS và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ, chính sách của Nhà nước và điều lệ của Công ty.

Hiện tại Công ty được chia thành 10 Bộ phận.

4.3. Các công ty có liên quan : Các công ty con, công ty liên kết : không có

#### 5. Định hướng phát triển:

##### **Mục tiêu trọng tâm của Công ty trong năm 2013:**

- Xin ý kiến cổ đông về việc thanh lý tài sản, giải thể công ty theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành. Để đi đến giải thể công ty trước hết xin rút các nghiệp vụ kinh doanh của công ty: môi giới chứng khoán, nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán, nghiệp vụ lưu ký, nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán chỉ giữ lại nghiệp vụ tự doanh nhằm giải quyết danh mục cổ phiếu

còn tồn đọng lại. Sau đó tiến đến hủy niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

- Trường hợp công ty không thể giải thể theo quyết định của cổ đông và/ hoặc theo quyết định của các cấp thẩm quyền: Hội đồng quản trị công ty sẽ theo hướng thu gọn công ty về mảng tự doanh, xem xét khả năng mua văn phòng cho công ty nếu xét thấy hiệu quả hơn đi thuê lại mặt bằng.
- Xây dựng chính sách giải quyết chế độ cho cán bộ CNV khi công ty cơ cấu lại nhân sự để chấm dứt hoạt động kinh doanh tiến đến giải thể công ty.

#### **6. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động SXKD :**

- Rủi ro thị trường là khả năng thay đổi các yếu tố nội tại trong nền kinh tế nói chung và thị trường tài chính nói riêng, bao gồm cả những thay đổi trong chính sách tài khoá, tiền tệ và các chính sách điều tiết thị trường của chính phủ có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của AVS.,những thay đổi này thể hiện qua biến động trong các yếu tố như mặt bằng lãi suất, tỷ giá hối đoái, mức độ chấp nhận rủi ro, thanh khoản của thị trường, mức độ sẵn có của tín dụng, chi phí giá vốn,... khiến giá trị của các khoản đầu tư tài chính cũng biến động theo. hoạt động đầu tư của AVS vào chứng khoán không tránh khỏi các rủi ro do giảm giá đầu tư, biến động lãi suất hay thiếu thanh khoản.

+ Hoạt động đầu tư tiền gửi: Khi lãi suất biến động sẽ phát sinh rủi ro đối với hoạt động này.

+ Hoạt động đầu tư cổ phiếu: hoạt động này chịu rủi ro lớn khi giá cổ phiếu biến động giảm so với giá vốn.

- Rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin.
- Trong đại hội cổ đông thường niên 2013, Công ty trình đại hội cổ đông xin rút các nghiệp vụ : Môi giới chứng khoán, báo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký và tư vấn đầu tư chứng khoán. Tiến đến hủy niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ( HNX) và thanh lý tài sản và giải thể công ty theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Tuy nhiên, Nếu được các cổ đông thông qua trong đại hội đồng cổ đông thường niên 2013, để công ty thực hiện được việc thanh lý tài sản, giải thể công ty theo đúng quy định của pháp luật cũng mất rất nhiều thời gian và còn rất nhiều vấn đề tồn đọng cần phải giải quyết.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm :**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh :**

Thị trường chứng khoán bị ảnh hưởng nặng nề bởi kinh tế vĩ mô, đã làm kết quả kinh doanh công ty không đạt các chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội cổ đông đã thông qua, trong đó:



- Doanh thu môi giới giao dịch đạt 2,69 tỷ đồng, sụt giảm hơn 80% so với năm 2011 là 13,58 tỷ đồng
- Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh vì vậy cũng suy giảm từ 41.1 tỷ đồng năm 2011 xuống còn 34,1 tỷ đồng năm 2012. Kết quả cuối năm công ty ghi nhận lỗ 10,56 tỷ đồng và vẫn còn lỗ lũy kế hơn 151 tỷ đồng.
- Ngày 02/11/2012 ĐHCĐ bất thường đã nhất trí thông qua việc tự nguyện chấm dứt tư cách thành viên tại HSX và HNX, đồng thời xin rút tư cách thành viên tại Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD).

### Tổng kết hoạt động kinh doanh 2012

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	Tỷ lệ hoàn thành
1	Doanh thu	Tỷ đồng	40,06	34,19	85,35%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	24,86	-10,56	-42,48%

## 2. Tổ chức và nhân sự :

### 2.1. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

#### Ông Nguyễn Hoàng Long – Tổng Giám Đốc:

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 24/08/1964
- Nơi sinh: Sài Gòn
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Giấy CMND số : 021043183, cấp ngày: 18/3/2005, tại: CA Tp.HCM
- Nơi đăng ký HKTT: 602/51E Điện Biên Phủ, P.22, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM
- Chỗ ở hiện tại: 602/51E Điện Biên Phủ, P.22, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM
- Điện thoại cơ quan: 08 38216789
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản Trị Kinh Doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
02/89 – 02/92	Nhà máy Saigon-Satake, Cty Lương thực Tp.HCM	Kỹ sư phòng Điều khiển
02/92 – 05/95	Toshiba Medial Systems, Delta Trading Ltd.	Trưởng BP phát triển thị trường

05/95 – 05/99	VPĐD Mitsubishi Corporation	Phó Phòng Dự Án Đầu Tư
07/99 – 05/02	Học cao học tại Sydney, Úc	Sinh viên cao học
02/03 - 05/04 05/04 – 10/06	Cty CP Saigon Postel (SPT)	-Trưởng BP Marketing & Phân Phối S-Fone -Giám đốc Kinh doanh dịch vụ thoại IP và Internet
01/07 – 11/07 11/07 – 12/08	Công ty CP Chứng Khoán Âu Việt	-Sáng lập viên, Chủ Tịch HĐQT -Phó Chủ Tịch Thường trực HĐQT- chuyên trách Bảo lãnh phát hành & Tư vấn doanh nghiệp
01/01/2009 – nay	Công ty CP Chứng Khoán Âu Việt	Phó Chủ Tịch Thường trực HĐQT, Quyền Tổng Giám Đốc

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ Tịch Thường trực Hội Đồng Quản Trị, Quyền Tổng Giám Đốc Công ty CP Chứng Khoán Âu Việt
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp và Địa Ốc Vũng Tàu (VRC).
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**Ông Bùi Văn Trường– Phó Tổng Giám Đốc**

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 6/12/1964
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Giấy CMND số : 022748574, cấp ngày 15/5/2007, tại Tp.HCM
- Nơi đăng ký HKTT: 371/L Hai Bà Trưng, P.8, Q.3, Tp.HCM
- Chỗ ở hiện tại: 371/L Hai Bà Trưng, P.8, Q.3, Tp.HCM
- Điện thoại cơ quan: 08 38216789
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
8/1990- 1/1992	Liên hiệp SX-XNK hàng dệt (TEXTIMEX) của Bộ Công nghiệp nhẹ	Nhân viên KT, Lao động tiền lương, kế hoạch

2/1992- 2/1994	XN may 1-Công ty Dệt may Sài Gòn (TEXGAMEX)	Trưởng BP Tổng hợp: KT, LĐTL, KH
3/1994-12/1998		Phó Giám Đốc
1/1999-12/2001		Giám Đốc
1/2002- 3/2003	Công ty CP Dệt May Saigon (TEXGAMEX)	Trợ lý TGD
4/2003- 6/2003		GĐ Điều hành dệt- GĐ chi nhánh Bình Dương
7/2003- 2/2005		Phó Tổng Giám Đốc
3/2005- 8/2005	Công ty kinh doanh hàng thời trang (VINATEX)	Giám đốc siêu thị Lãnh Bình Thăng
9/2005- 5/2007		Phó GĐ kho trung tâm
7/2007-12/2008		Kế Toán Trưởng
1/2009- 8/2011	Công ty CP Chứng khoán Âu Việt	GĐ khối TC-KT kiêm Kế Toán Trưởng
9/2011- nay		Phó Tổng Giám Đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình (PAN).
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**2.2. Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm:** không có thay đổi

**2.3. Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban giám đốc và các quyền lợi khác của Ban giám đốc:** Tiền lương, thưởng của Ban giám đốc và các quyền lợi khác của Ban giám đốc được chi trả dựa trên Quy chế trả lương và các khoản chi khác của AVS.

**2.4.Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

- Số lượng cán bộ nhân viên toàn Công ty là: 22 người (bao gồm các nhân viên nghỉ không hưởng lương, thai sản) tại thời điểm 31/12/2011.
- Chính sách đối với người lao động tại Công ty được thực hiện đúng theo quy định pháp luật hiện hành, phúc lợi và chế độ đãi ngộ tốt.

**2.5.Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/Chủ tịch, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:** Không có

**3.Tình hình đầu tư :**

3.1. Các khoản đầu tư lớn : Không có

3.2. Các công ty con, công ty liên kết ; Không có

4. Tình hình tài chính :

4.1. Tình hình tài chính :

CHỈ TIÊU	Năm 2012	Năm 2011	Chênh lệch tăng (+) /giảm (-) năm 2012 so với năm 2011	
			Trị giá	Tỷ lệ
<b>1. Doanh thu</b>	<b>34.193.260.940</b>	<b>41.170.640.248</b>	<b>-6.977.379.308</b>	<b>-17%</b>
- DT hoạt động môi giới chứng khoán	2.690.499.977	13.584.358.975	-10.893.858.998	-80%
- DT hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	10.554.100.072	6.361.279.324	4.192.820.748	+ 66%
- DT hoạt động tư vấn	741.363.636	718.909.091	22.454.545	+ 3%
- DT lưu ký chứng khoán	756.268.359	218.174.919	538.093.440	+ 247%
- DT khác	19.451.028.896	20.287.917.939	-836.889.043	- 4%
<b>2. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>37.680.627.978</b>	<b>69.534.714.372</b>	<b>-31.854.086.394</b>	<b>- 46%</b>
<b>3. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>7.113.071.069</b>	<b>12.517.819.255</b>	<b>-5.404.748.186</b>	<b>- 43%</b>
<b>4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>-10.600.438.107</b>	<b>-40.881.893.379</b>	<b>30.281.455.272</b>	<b>+ 74%</b>
<b>5. Lợi nhuận khác</b>	<b>37.863.328</b>	<b>308.102.494</b>	<b>- 270.239.166</b>	<b>- 88%</b>
<b>6. Tổng lợi nhuận</b>	<b>-10.562.574.779</b>	<b>-40.573.790.885</b>	<b>30.011.216.106</b>	<b>+ 74%</b>

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	2011	2012
1	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	4.3	2.6
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	95.7	97.4
2	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	19.3	4.3
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	80.7	95.7
3	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	5	22
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	5	22
4	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-14.5	-4.7

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-98.6	-30.9
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	-17.9	-4.9

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :**

**5.1. Cổ phần :**

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: không
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại
  - + Cổ phiếu thường: 36.000.000 CP (mệnh giá 10.000 đ/ CP)
  - + Cổ phiếu ưu đãi: không có.
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại:
  - + Trái phiếu có thể chuyển đổi: không có.
  - + Trái phiếu không thể chuyển đổi: không có.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:
  - + Cổ phiếu thường: 36.000.000 CP (mệnh giá 10.000 đ/ CP)
  - + Cổ phiếu ưu đãi: không có.
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: không có
- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các Cổ đông:

Đến thời điểm 31/12/2012, Công ty không thực hiện chia cổ tức do công ty ghi nhận mức lỗ hơn 10,56 tỷ đồng và lỗ lũy kế hơn 151 tỷ đồng .

**5.2. Cơ cấu cổ đông :**

**Các dữ liệu thống kê về Cổ đông góp vốn**

- Cơ cấu cổ đông\* (chốt ngày 20/02/2013)

	SL CD năm giữ	SL CP năm giữ	% năm giữ
<b>I. Trong nước</b>	<b>1018</b>	<b>35,894,600</b>	<b>99.71%</b>
<b>Cá nhân:</b>	<b>1012</b>	<b>33,393,000</b>	<b>92.76%</b>
HĐQT	3	8,256,800	22.94%
Ban kiểm soát	1	3,000	0.01%
CD khác	1008	25,133,200	69.81%

Tổ chức	3	2,501,600	6.95%
<b>II. Nước ngoài</b>	<b>3</b>	<b>105,400</b>	<b>0.29%</b>
Cá nhân	3	105,400	0.29%
Tổ chức	0	0	
<b>Tổng cộng</b>	<b>1018</b>	<b>36,000,000</b>	<b>100%</b>

- **Cổ đông góp vốn trong nước**

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông góp vốn trong nước:

STT	Cổ đông	Tỷ lệ vốn góp	Số vốn góp(tỷ đồng)
1	Tổ chức	6,95%	25,016
2	Cá nhân	92,76%	333,93
	- HĐQT	22,94%	82,568
	- Ban KS	0,01%	0,03
	- CĐ khác	69,81%	251,332

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông cá nhân lớn góp vốn trong nước:

Stt	Họ và tên	Số giấy CMND	Ngày cấp	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2012	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2011
1	Nguyễn Thanh Hải	022112497	06/03/2003	B19 Khu phố Mỹ Quang, Phú Mỹ Hưng, P.Tân Phong, Q.7, Tp.HCM	8.88%	10.42%
2	Đoàn Đức Tuyên	151178210	17/03/2005	Khu phố 8, Thị trấn An Bài Quỳnh Phụ, Thái Bình	4.74%	8.22%
4	Đoàn Đức Vịnh	024501082	16/03/2006	228 Mỹ Kim 1, Đường 10 Tây, Phú Mỹ Hưng, P.Tân Phong, Q.7, Tp.HCM	14.05%	14.05%
5	Vũ Thị Thanh Thủy	024501081	16/03/2006	228 Mỹ Kim 1, Đường 10 Tây, Phú Mỹ Hưng, P.Tân Phong, Q.7, Tp.HCM	29.59%	3.30%

**- Thông tin chi tiết về từng cổ đông tổ chức lớn góp vốn trong nước:**

STT	Tên tổ chức	Mã số thuế	Địa chỉ công ty	Tỷ lệ sở hữu	Số vốn góp (tỷ đồng)
1	Công ty cổ phần Dầu tư Kim Cương	0304408231	225 Bến Chương Dương, P. Cô Giang, Q. 1, HCM	6,94%	6,94%

**- Cổ đông góp vốn nước ngoài:**

- Cổ đông nước ngoài: 0,29%, tương đương 105.400 CP.

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : không có**

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ : không có**

**5.5. Các chứng khoán khác : không có**

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám Đốc****1. Môi trường kinh doanh năm 2012:**

Môi trường kinh doanh năm 2012 đã có tác động rất lớn tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là đối với ngành chứng khoán và trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

**1.1 Môi trường kinh tế vĩ mô**

Năm 2012 kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn. Cuộc khủng hoảng nợ công ở châu Âu tiếp tục sa lầy mà lối thoát thì chưa thực sự rõ ràng, kinh tế Mỹ, Nhật Bản đều không mấy khả quan. Các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil ... đều không còn giữ được phong độ tăng trưởng như những năm trước.

Việt Nam trong năm 2012, tiếp tục đối mặt với rất nhiều thách thức như tăng trưởng kinh tế chậm lại, nợ xấu trong hệ thống ngân hàng tăng cao, số lượng các doanh nghiệp giải thể và dừng hoạt động tăng đột biến, sức mua hạn chế, nợ công nhiều hơn, áp lực cạnh tranh quốc tế v.v... Trong khi đó các chính sách ban hành chưa giúp cải thiện hiệu quả nền kinh tế, ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp mọi thành phần, nhiều vụ việc lớn như khởi tố Thành viên HĐQT Ngân hàng ACB, Thua lỗ các tổng công ty như Vinalines, Vinashin... đời sống người dân bị ảnh hưởng đáng kể.

Tuy vậy kết thúc năm 2012 vẫn có những điểm sáng nổi bật như thị trường ngoại hối ổn định, dự trữ ngoại hối tăng, lượng kiều hối đạt tới 9 tỷ USD \* (Theo báo cáo của Ngân hàng thế giới).

**1.2 Thị trường chứng khoán**

Những khó khăn và biến động kinh tế vĩ mô đã tác động rõ rệt vào TTCKVN. Nói chung 2012 là một năm khắc nghiệt và thách thức cho ngành tài chính ngân hàng - chứng khoán. Thanh khoản suy yếu, 2 chỉ số VN- Index và HNX- Index suy giảm mạnh ( HNX-Index xác lập đáy mới 50.7 điểm ngày 6/11).

TTCK vốn đã suy yếu nay lại phải đối mặt với rất nhiều thông tin không tốt về hệ thống ngân hàng : nợ xấu tăng cao, tình hình yếu kém của một số ngân hàng, trong khi đó thị trường bất động sản khó khăn.

Trong bối cảnh như trên, hiện tượng cạnh tranh khốc liệt của các công ty chứng khoán có thể nhìn thấy. Các hình thức cạnh tranh về phí và các dịch vụ margin... Bên cạnh đó, việc kiểm soát rủi ro cũng là một câu hỏi lớn khi trong lĩnh vực này, các quy định pháp lý chưa theo kịp thực tiễn và để lại khoảng trống pháp lý khi nhiều vấn đề chưa được làm sáng tỏ và chưa đầy đủ. Trong năm 2012 có 11 công ty chứng khoán vào diện kiểm soát đặc biệt, 3 CTCK bị đình chỉ hoạt động 6 tháng, 4 công ty rút nghiệp vụ môi giới, 3 công ty rút nghiệp vụ tự doanh , 3 CTCK tự nguyện chấm dứt tư cách thành viên 2 Sở.

Theo Đề án tái cấu trúc TTCK và các doanh nghiệp bảo hiểm đã được Chính phủ thông qua cơ chế cho CTCK đóng cửa và chuyển đổi sang thành công ty đầu tư chứng khoán, phá sản hoặc giải thể theo Luật doanh nghiệp.

## 2.Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2012 :

Thị trường chứng khoán bị ảnh hưởng nặng nề bởi kinh tế vĩ mô, đã làm kết quả kinh doanh công ty không đạt các chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội cổ đông đã thông qua, trong đó:

- Doanh thu môi giới giao dịch đạt 2,69 tỷ đồng, sụt giảm hơn 80% so với năm 2011 là 13,58 tỷ đồng
- Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh vì vậy cũng suy giảm từ 41.1 tỷ đồng năm 2011 xuống còn 34,1tỷ đồng năm 2012. Kết quả cuối năm công ty ghi nhận lỗ 10,56 tỷ đồng và vẫn còn lỗ lũy kế hơn 151 tỷ đồng.
- Ngày 02/11/2012 ĐHCĐ bất thường đã nhất trí thông qua việc tự nguyện chấm dứt tư cách thành viên tại HSX và HNX, đồng thời xin rút tư cách thành viên tại Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD).

### Tổng kết hoạt động kinh doanh 2012

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	Tỷ lệ hoàn thành
1	Doanh thu	Tỷ đồng	40,06	34,19	85.35%
2		Tỷ đồng	24,86	-10,56	-42.48%



Lợi nhuận sau thuế

- Trong năm việc kiểm soát rủi ro đã được triệt để thực hiện, không xảy ra bất kỳ vấn đề nào gây ảnh hưởng đến hoạt động của công ty.
- Tuân thủ định hướng thu hẹp mảng môi giới để cắt giảm chi phí.
- Ngày 02/11/2012 ĐHCĐ bất thường đã nhất trí thông qua việc tự nguyện chấm dứt tư cách thành viên tại HSX và HNX, đồng thời xin rút tư cách thành viên tại Trung tâm lưu ký chứng khoán. Công ty đã ký hợp đồng với công ty chứng khoán Ngân hàng Đông Á để công ty này đón nhận và chăm sóc các khách hàng của AVS.
- Ngày 28/12/2012 Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã cắt quyền truy cập hệ thống từ xa, giao dịch trực tuyến trên cả thị trường niêm yết và thị trường UpCOM, ngừng cung cấp dịch vụ thông tin đối với công ty.

### 3. Báo cáo tình hình tài chính:

Công ty luôn duy trì các hệ số tài chính đảm bảo khả năng thanh toán và tuân thủ các qui định hiện hành.

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	2011	2012
1	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	4.3	2.6
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	95.7	97.4
2	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	19.3	4.3
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	80.7	95.7
3	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	5	22
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	5	22
4	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-14.5	-4.7
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-98.6	-30.9
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	-17.9	-4.9

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh:

STT	Chi tiêu	Số liệu ngày 31/12/2012	Yêu cầu theo qui định
1	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng	248%	> 180%
2	Giá trị Tài sản cố định/ Vốn điều lệ	0.25%	< 50%
3	Tổng nợ / Vốn chủ sở hữu	0,045 lần	< 6 lần
4	Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	22 lần	> 1 lần

#### 4. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Thị trường chứng khoán bị ảnh hưởng nặng nề bởi kinh tế vĩ mô, đã làm kết quả kinh doanh công ty không đạt các chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội cổ đông đã thông qua.

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
<b>1. Doanh thu</b>	01	<b>34.193.260.940</b>	<b>41.170.640.248</b>
Trong đó:			
- DT hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	2.690.499.977	13.584.358.975
- DT hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	10.554.100.072	6.361.279.324
- DT bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3	-	-
- DT đại lý phát hành chứng khoán	01.4	-	-
- DT hoạt động tư vấn	01.5	741.363.636	718.909.091
- DT lưu ký chứng khoán	01.6	756.268.359	218.174.919
- DT hoạt động uỷ thác đấu giá	01.7	-	-
- DT cho thuê sử dụng tài sản	01.8	-	-
- DT khác	01.9	19.451.028.896	20.287.917.939
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>	<b>34.193.260.940</b>	<b>41.170.640.248</b>
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	37.680.627.978	69.534.714.372
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(3.487.367.038)</b>	<b>(28.364.074.124)</b>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	7.113.071.069	12.517.819.255
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>(10.600.438.107)</b>	<b>(40.881.893.379)</b>
8. Thu nhập khác	31	67.918.795	637.462.476
9. Chi phí khác	32	30.055.467	329.359.982
<b>10. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>37.863.328</b>	<b>308.102.494</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>(10.562.574.779)</b>	<b>(40.573.790.885)</b>
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	<b>(10.562.574.779)</b>	<b>(40.573.790.885)</b>
<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>(293)</b>	<b>(1.127)</b>

#### 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán :

Giải trình nguyên nhân dẫn đến lưu ý của đơn vị kiểm toán trên báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần chứng khoán Âu Việt.

Báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán có lưu ý người đọc báo cáo tài chính về tính hoạt động liên tục của Công ty, là do:

- **Quy mô hoạt động nghiệp vụ của Công ty thu hẹp:**

- CV số 1476/SGDHN-QLTV ngày 22/11/2012 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ngừng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 28/12/2012
- CV số 2020/2012/SGDHCM-TV ngày 23/11/2012 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc ngừng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM từ ngày 28/12/2012

Theo đó, công ty Cổ phần chứng khoán Âu Việt sẽ tạm ngừng thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán niêm yết từ ngày 28/12/2012.

- **Hội đồng quản trị của Công ty có ý định trình kế hoạch giải thể Công ty tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2013:**

Ngày 10/01/2013, công ty Cổ phần chứng khoán Âu Việt có CV số 26/2013/CV-AVS thông báo ngày 20/02/2013 là ngày chốt danh sách cuối cùng để thực hiện quyền tham dự cổ đông, 1 phần nội dung hợp:

+ Xin rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán, nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán, nghiệp vụ lưu ký, nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán.

+ Thông qua chủ trương hủy niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

+ Thông qua chủ trương thanh lý tài sản, giải thể công ty theo đúng các qui định của pháp luật hiện hành

Với các lý do trên, đơn vị kiểm toán đã lưu ý người đọc về tính hoạt động liên tục của công ty Cổ phần chứng khoán Âu Việt.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty:**

##### **1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty :**

Với bối cảnh tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán nêu trên đã tác động làm kết quả kinh doanh công ty không đạt các chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội cổ đông đã thông qua, trong đó:

- Doanh thu môi giới – giao dịch đạt 2,69 tỷ đồng, sụt giảm hơn 80% so với năm 2011 là 13,58 tỷ đồng.
- Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh vì vậy cũng suy giảm từ 41,1 tỷ đồng năm 2011 xuống còn 34,1 tỷ đồng năm 2012. Kết quả cuối năm công ty ghi nhận lỗ hơn 10,56 tỷ đồng và vẫn còn lỗ lũy kế hơn 151 tỷ đồng.
- Hoạt động đầu tư 10,55 tỷ so với mức 6,36 tỷ của năm 2011 tăng hơn 65% . Công ty thực chất không triển khai đầu tư mà chỉ thực hiện một số quyền của cổ phiếu còn nắm giữ.
- Hoạt động tư vấn đạt 741,3 triệu đồng vẫn giữ nguyên so với 2011 do công ty vẫn tiếp tục thực hiện với các đối tác - khách hàng thân thiết và đồng hành với AVS từ nhiều năm trước.

##### **Những thay đổi chủ yếu trong năm:**

- Ngày 02/11/2012 công ty đã tổ chức ĐHCĐ bất thường đã nhất trí thông qua việc tự nguyện chấm dứt tư cách thành viên tại HSX và HNX, đồng thời xin rút tư cách thành viên tại Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD).
- Ngày 28/12/2012 Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã cấp quyền truy cập hệ thống từ xa, giao dịch trực tuyến trên cả thị trường niêm yết và thị trường UpCOM, ngừng cung cấp dịch vụ thông tin đối với công ty.

##### **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc Công ty.**

Năm 2012, trên cơ sở Nghị quyết của ĐHCĐ và Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã tổ chức thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Ban Lãnh đạo đã thực hiện tốt các định hướng, kế hoạch kinh doanh và các quyết định quan trọng trong tình hình vĩ mô khó khăn trong năm. Tuy không hoàn thành kế hoạch được giao trong năm 2012 nhưng hội đồng quản trị đánh giá do nguyên nhân khách quan và công ty thực hiện chính sách thu hẹp hoạt động tất cả các mảng hoạt động kinh doanh.

### **3. Kế hoạch hoạt động kinh doanh :**

#### **3.1. Kế hoạch phát triển kinh doanh:**

Dù thị trường chứng khoán đã có những dấu hiệu tạm cải thiện từ cuối năm 2012 và đầu năm 2013, nhưng vĩ mô nói chung vẫn còn rất nhiều thách thức nghiêm trọng. Trọng tâm cần giải quyết của kinh tế Việt Nam vẫn phải xoay quanh các vấn đề xử lý nợ xấu ngân hàng, hàng tồn kho và tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản. Có thể khẳng định năm 2013 vẫn sẽ là năm rất khó khăn của nhiều doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp ngành chứng khoán. Trong bối cảnh thị trường ngày càng khắc nghiệt và kinh tế vĩ mô nhiều biến động khó lường, Hội Đồng Quản Trị quyết định sẽ tập trung vào các định hướng sau:

- Xin ý kiến cổ đông về việc thanh lý tài sản, giải thể công ty theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành. Để đi đến giải thể công ty trước hết xin rút các nghiệp vụ kinh doanh của công ty: môi giới chứng khoán, nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán, nghiệp vụ lưu ký, nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán chỉ giữ lại nghiệp vụ tự doanh nhằm giải quyết danh mục cổ phiếu còn tồn đọng lại. Sau đó tiến đến hủy niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).
- Trường hợp công ty không thể giải thể theo quyết định của cổ đông và/ hoặc theo quyết định của các cấp thẩm quyền: Hội đồng quản trị công ty sẽ theo hướng thu gọn công ty về mảng tự doanh, xem xét khả năng mua văn phòng cho công ty nếu xét thấy hiệu quả hơn đi thuê lại mặt bằng.
- Xây dựng chính sách giải quyết chế độ cho cán bộ CNV khi công ty cơ cấu lại nhân sự để chấm dứt hoạt động kinh doanh tiến đến giải thể công ty.

#### **3.2. Kế hoạch lợi nhuận**

- Xác định năm 2012 Xác định năm 2013 tiếp tục là một năm rất khó khăn và bất trắc, HĐQT công ty đã đánh giá, phân tích mọi rủi ro và cân nhắc đề xuất trong thời gian chờ đại hội đồng cổ đông và các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, HĐQT vẫn đề xuất phương án kinh doanh an toàn, bảo toàn vốn. Giả sử với trần lãi suất huy động trong năm 2013 là 8%/năm (*Năm 2013 trần lãi suất có thể thay đổi*) sau khi trừ đi các chi phí như mặt bằng, chi phí quản lý doanh nghiệp và các chi phí khác... Lợi nhuận dự kiến là 8 tỷ đồng.

#### **3.3. Kế hoạch cổ tức**

Do hiện vẫn còn lỗ lũy kế, Công ty chưa có kế hoạch chia cổ tức cho năm 2013.

## V. Quản Trị Công Ty :

### 1. Hội Đồng Quản Trị :

- Thành viên và cơ cấu HĐQT:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
01	Ông Đoàn Đức Vịnh	Chủ tịch HĐQT
02	Ông Nguyễn Hoàng Long	Phó Chủ tịch HĐQT
03	Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Chủ tịch, không điều hành
04	Ông Nguyễn Khắc Lạc	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành
05	Ông Hoàng Đức Hòa	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành

- Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Bằng cấp chuyên môn
01	Ông Đoàn Đức Vịnh	Chủ tịch HĐQT	Tiến Sỹ KHKT, Thạc Sỹ Kinh tế
02	Ông Nguyễn Hoàng Long	Phó Chủ tịch HĐQT	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
03	Ông Nguyễn Khắc Lạc	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	Tiến sĩ kinh tế
04	Ông Hoàng Đức Hòa	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	Cử nhân kinh tế
05	Ông Bùi Văn Trường	Phó Tổng Giám Đốc	Thạc sỹ Kinh tế

## 1.2 Hoạt động của HĐQT:

Tuân thủ Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012, Hội đồng quản trị Công ty bao gồm 05 thành viên, trong đó có 3 thành viên độc lập không điều hành. Việc bổ sung thêm thành viên độc lập không trực tiếp tham gia điều hành đã giúp tăng cường tính minh bạch, khách quan cũng như năng lực quản trị của HĐQT đối với hoạt động kinh doanh của Công ty. Các cuộc họp của HĐQT đã được tổ chức thường xuyên trong năm để cập nhật, nhận định tình hình và đưa ra phương hướng chỉ đạo đối với Ban Tổng Giám đốc trong việc vận hành Công ty.

Tuân thủ tính đại diện cho cổ đông, tôn chỉ duy nhất trong các hoạt động của HĐQT là vì quyền lợi hợp pháp và chính đáng của cổ đông. Hoạt động của HĐQT trong năm bám sát thực tiễn của thị trường để đưa ra những định hướng phù hợp cho chiến lược kinh doanh của Công ty. Với sự sát sao và cẩn trọng trong công tác điều hành của HĐQT và Ban TGD, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm theo đúng phương hướng phát triển dài hạn, tập trung vào các thế mạnh.

Cùng với việc chỉ đạo triển khai các hoạt động nghiệp vụ, trong năm 2012, HĐQT và Ban TGD đã tập trung kiện toàn bộ máy tổ chức của Công ty nhằm đảm bảo an toàn hoạt động cho công ty. Hệ thống thông tin, kiểm soát nội bộ được thiết lập đầy đủ, khoa học đảm bảo tính độc lập, hỗ trợ và an toàn cho hoạt động công ty. Nhờ vậy mà mặc dù trong năm 2012 có rất nhiều biến động thị trường nhưng hoạt động công ty vẫn giữ được ổn định và an toàn.

## 2. Ban Kiểm Soát:

- Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
01	Ông Nguyễn Văn Quang	Trưởng Ban Kiểm soát độc lập không điều hành
02	Bà Nguyễn Thị Bích Hồng	Thành viên
03	Bà Triệu Hoàng Phương Anh	Thành viên độc lập không điều hành

- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

01	Ông Nguyễn Văn Quang	Trưởng Ban Kiểm soát độc lập không điều hành	Cử nhân Tài chính - Kế toán
----	----------------------	--	-----------------------------

02	Bà Nguyễn Thị Bích Hồng	Thành viên Ban Kiểm soát	Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật
03	Bà Triệu Hoàng Phương Anh	Thành viên Ban Kiểm soát độc lập không điều hành	Cử nhân Kinh tế

Trong năm 2012, thành viên Ban Kiểm Soát (BKS) đã tập trung thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các lĩnh vực trọng yếu sau:

- Kiểm soát báo cáo tài chính: kiểm tra các báo cáo tài chính hằng quý và báo cáo tài chính năm 2012 về các số liệu tài chính cũng như thời gian hoàn thành việc lập báo cáo;
- Kiểm soát hoạt động: thực hiện việc kiểm tra, đánh giá các quy trình làm việc của các bộ phận và việc tuân thủ quy trình.

Trong năm 2012, BKS đã làm việc với HĐQT, Ban TGD và Kiểm Soát Nội Bộ về các mặt hoạt động của Công ty. Thông qua hoạt động kiểm soát trong năm tài chính, BKS đánh giá hoạt động của Công ty đã tuân thủ đúng pháp luật, các quy định của UBCKNN, HOSE, HNX, Trung tâm Lưu ký chứng khoán và các quy trình nội bộ liên quan. Ban Kiểm soát nhất trí với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về hoạt động điều hành kinh doanh của Công ty.

### 3. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát:

- Theo Nghị Quyết của DHCD thường niên năm 2012, thù lao của HĐQT và BKS như sau:
- Thù lao chi trả cho các thành viên HĐQT: 3 triệu đồng/tháng/ thành viên. Tổng thù lao: 180.000.000 đồng/năm.
- Thù lao chi trả cho các thành viên Ban Kiểm soát: 2 triệu đồng/tháng/ thành viên. Tổng thù lao: 72.000.000 đồng/năm.

#### Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT:

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ tại 31/12/2012	Tỷ lệ nắm giữ tại 31/12/2011	Tỷ lệ thay đổi (tăng (+)/ giảm (-))
Đoàn Đức Vịnh	Chủ tịch HĐQT	14,05%	14,05%	0,00%
Nguyễn Hoàng Long	Phó Chủ tịch	0,00%	2,50%	-2,50%
Nguyễn Thanh Hải	Phó Chủ tịch	8,88%	10,42%	-1,54%



Nguyễn Khắc Lạc	Thành viên	0.00%	4,86%	-4.86%
Hoàng Đức Hòa	Thành viên	0.69%	1,39%	-0.70%

#### IV. Báo cáo tài chính:

##### 1. Ý kiến kiểm toán độc lập:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA).

##### - Ý kiến kiểm toán độc lập:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phù nhận ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính kèm theo đến thuyết minh số 26 trong phần thuyết minh báo cáo tài chính về tình hình hoạt động liên tục của Công ty. Quy mô hoạt động của Công ty được thu hẹp (thông qua việc ngừng cung cấp dịch vụ mua bán chứng khoán cho nhà đầu tư tại 2 sở giao dịch chứng khoán từ ngày 28 tháng 12 năm 2012) và Hội đồng quản trị của Công ty có ý định trình kế hoạch giải thể Công ty tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 vào tháng 3 năm 2013. Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được lập trên cơ sở giả định công ty vẫn tiếp tục hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính này không bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc công ty có thể không hoạt động liên tục từ các sự việc trình bày trên.

##### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán độc lập:

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÁU VIỆT

### *Báo cáo tài chính*

*(cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
đã được kiểm toán và Báo cáo của Ban Giám đốc)*



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

---

MỤC LỤC	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	1 - 11 0
Thuyết minh báo cáo tài chính	1 - 26 2
Phụ lục 1: Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư bị giảm giá/ rủi ro	2 - 35 7

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 57/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 7 năm 2007;
- Giấy chứng nhận số 63/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp ngày 23 tháng 8 năm 2007 về việc chứng nhận Công ty là thành viên lưu ký chứng khoán;
- Quyết định số 60/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 10 năm 2007 về việc công nhận Công ty là Thành viên giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định 325/QĐ-TTGDHN do Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 12 tháng 11 năm 2007 về việc công nhận Công ty là Thành viên giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Giấy phép điều chỉnh số 88/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Giấy phép điều chỉnh số 126/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 9 tháng 5 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Quyết định số 450/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 30 tháng 6 năm 2008 về việc chấp thuận chuyển địa điểm trụ sở chính của Công ty;
- Quyết định số 217/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 5 tháng 4 năm 2010 về việc chấp thuận thành lập Chi nhánh của Công ty tại Hà Nội;
- Giấy chứng nhận số 29/GCN-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 15 tháng 4 năm 2010 về việc chứng nhận Công ty được niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2010 với mã chứng khoán AVS;
- Quyết định số 446/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 6 năm 2011 về việc chấp thuận đóng cửa Chi nhánh của Công ty tại Hà Nội;
- Công văn số 1476/SGDHN-QLTV ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ngừng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 28 tháng 12 năm 2012;
- Công văn số 2020/2012/SGDHCM-TV ngày 23 tháng 11 năm 2012 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh về việc ngừng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 28 tháng 12 năm 2012.

Vốn điều lệ của Công ty là **360.000.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Môi giới chứng khoán. Tư vấn đầu tư chứng khoán. Lưu ký chứng khoán. Tự doanh chứng khoán. Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 3 Tòa nhà Savimex, số 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

## **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Lỗ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty là **10.562.574.779** đồng.

## **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính.

## **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Đức Vịnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Long	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Khắc Lạc	Thành viên
Ông Hoàng Đức Hòa	Thành viên

Các thành viên Ban điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hoàng Long	Quyền Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Trường	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Quang	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Bích Hồng	Thành viên
Bà Triệu Hoàng Phương Anh	Thành viên

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị

---

Đoàn Đức Vịnh  
Chủ tịch HĐQT

Ngày 22 tháng 2 năm 2013

Số: 13-2-007 /CPAHANOI/HCM

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được lập ngày 22 tháng 2 năm 2013 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt từ trang 6 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính kèm theo đến thuyết minh số 26 trong phần thuyết minh báo cáo tài chính về tính hoạt động liên tục của Công ty. Quy mô hoạt động của Công ty được thu hẹp (thông qua việc ngừng cung cấp dịch vụ mua bán chứng khoán cho nhà đầu tư tại 2 sở giao dịch chứng khoán từ ngày 28 tháng 12 năm 2012) và Hội đồng quản trị của Công ty có ý định trình kế hoạch giải thể Công ty tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 vào tháng 3 năm 2013. Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được lập trên cơ sở giả định công ty vẫn tiếp tục hoạt động

liên tục. Báo cáo tài chính này không bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc công ty có thể không hoạt động liên tục từ các sự việc trình bày trên.

Báo cáo này được lập thành 6 bản tiếng Việt và 6 bản tiếng Anh, các bản có giá trị pháp lý ngang nhau. Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt giữ 5 bản tiếng Việt và tiếng Anh, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 1 bản tiếng Việt và tiếng Anh.

---

Tô Quang Tùng  
Giám đốc  
Số đăng ký: 0270/KTV

---

Hồ Đình Phúc  
Kiểm toán viên  
Số đăng ký: 1268/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 2 năm 2013



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG</b>	<b>100</b>		<b>219.530.074.542</b>	<b>268.194.117.835</b>
<b>I. Tiền và tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>150.202.526.865</b>	<b>210.223.494.062</b>
1. Tiền	111		10.889.559.742	53.613.494.062
2. Các khoản tương đương tiền	112		139.312.967.123	156.610.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.9	<b>47.375.139.538</b>	<b>44.698.072.375</b>
1. Đầu tư ngắn hạn khác	121		101.354.565.643	88.964.611.983
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(53.979.426.105)	(44.266.539.608)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	V.3	<b>1.767.368.784</b>	<b>3.986.414.433</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		145.380.000	86.278.312
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		67.036.357	730.055.019
3. Phải thu khác	138		1.554.952.427	3.170.081.102
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>20.185.039.355</b>	<b>9.286.136.965</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	42.813.371	14.864.415
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	V.5	8.324.566	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	20.133.901.418	9.271.272.550
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.834.958.594</b>	<b>12.053.543.143</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>910.827.093</b>	<b>1.912.412.270</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	666.001.554	1.142.662.066
- Nguyên giá	222		5.576.959.806	6.361.783.681
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4.910.958.252)	(5.219.121.615)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	244.825.539	769.750.204
- Nguyên giá	228		5.389.278.886	5.389.278.886
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5.144.453.347)	(4.619.528.682)
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.9	<b>2.197.044.000</b>	<b>7.615.500.000</b>
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		24.812.718.098	22.437.718.098
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		24.812.718.098	22.437.718.098
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(22.615.674.098)	(14.822.218.098)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.727.087.501</b>	<b>2.525.630.873</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		13.355.658	35.282.025

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.7	2.450.481.843	2.227.098.848
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.8	263.250.000	263.250.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270=100+200)	<b>270</b>		<b>225.365.033.136</b>	<b>280.247.660.978</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>9.783.467.356</b>	<b>54.103.520.419</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.783.467.356</b>	<b>54.103.520.419</b>
1. Người mua trả tiền trước	313		40.000.000	68.000.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	72.426.468	54.697.968
3. Phải trả người lao động	315		1.331.749.549	79.683.391
4. Chi phí phải trả	316	V.13	199.559.000	177.850.860
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	33.847.637	17.578.080
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.16	8.055.884.702	53.095.031.586
7. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		-	152.778.534
8. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	400.000
9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328	V.17	50.000.000	457.500.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	V.18	<b>215.581.565.780</b>	<b>226.144.140.559</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>215.581.565.780</b>	<b>226.144.140.559</b>
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		360.000.000.000	360.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.776.841.496	3.776.841.496
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3.388.420.748	3.388.420.748
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(151.583.696.464)	(141.021.121.685)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>225.365.033.136</b>	<b>280.247.660.978</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản nhận ký cược	003	-	1.500.000.000
2. Chứng khoán lưu ký	006	101.589.070.000	744.449.270.000
Trong đó:			
1.1. Chứng khoán giao dịch	007	100.256.050.000	724.215.770.000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	27.247.110.000	20.342.260.000
1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	72.382.540.000	703.214.030.000
1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	626.400.000	659.480.000
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	215.720.000	11.697.540.000
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	215.720.000	11.697.540.000
1.3. Chứng khoán chờ thanh toán	027	865.400.000	8.449.400.000
1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	161.200.000	-
1.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	704.200.000	8.449.400.000
1.4. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	45.000.000	-
1.5.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034	45.000.000	-
1.5. Chứng khoán chờ giao dịch	037	206.900.000	86.560.000
1.5.1. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	206.900.000	86.560.000
3. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	507.500.000
4. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	19.194.910.000	35.972.540.000

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu</b>	01		<b>34.193.260.940</b>	<b>41.170.640.248</b>
Trong đó:				
- DT hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		2.690.499.977	13.584.358.975
- DT hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		10.554.100.072	6.361.279.324
- DT bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
- DT đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
- DT hoạt động tư vấn	01.5		741.363.636	718.909.091
- DT lưu ký chứng khoán	01.6		756.268.359	218.174.919
- DT hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		-	-
- DT cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- DT khác	01.9	V.19	19.451.028.896	20.287.917.939
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>		<b>34.193.260.940</b>	<b>41.170.640.248</b>
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	V.20	37.680.627.978	69.534.714.372
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(3.487.367.038)</b>	<b>(28.364.074.124)</b>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.21	7.113.071.069	12.517.819.255
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(10.600.438.107)</b>	<b>(40.881.893.379)</b>
8. Thu nhập khác	31		67.918.795	637.462.476
9. Chi phí khác	32		30.055.467	329.359.982
<b>10. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>37.863.328</b>	<b>308.102.494</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(10.562.574.779)</b>	<b>(40.573.790.885)</b>
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.22	-	-
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>(10.562.574.779)</b>	<b>(40.573.790.885)</b>
<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	V.23	<b>(293)</b>	<b>(1.127)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

(theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01		148.102.519.819	158.341.803.004
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02		(155.493.780.453)	(139.940.517.535)
3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	05		(19.377.862)	(749.793.025)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06		834.540.047.874	1.261.631.183.833
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07		(913.903.448.433)	(1.128.362.150.518)
6. Tiền thu bán chứng khoán phát hành	08		13.250.000	3.245.001.860
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09		(733.690.000)	(18.986.824.440)
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10		(509.774.614)	(3.236.297.955)
9. Tiền chi trả cho người lao động	11		(3.521.003.551)	(9.148.979.104)
10. Tiền chi trả lãi vay	12		(416.860.139)	-
11. Tiền thu khác	14		108.006.924.406	294.321.065.776
12. Tiền chi khác	15		(82.078.942.035)	(306.610.312.754)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(66.014.134.988)</b>	<b>110.504.179.142</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(314.321.200)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		70.209.076	137.264.546
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(460.652.750.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		441.592.750.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và	27		24.982.958.715	15.607.061.054

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

(theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

lợi nhuận được chia				
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>5.993.167.791</i>	<i>15.430.004.400</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		80.540.000.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(80.540.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(60.020.967.197)	125.934.183.542
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		210.223.494.062	84.289.310.520
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		150.202.526.865	210.223.494.062

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Chứng khoán
3. **Tổng số công nhân viên  
nghề** : 22 nhân viên, trong đó có 14 nhân viên có chứng chỉ hành  
chứng khoán

### II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Niên độ kế toán**  
Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán theo:
  - Quyết định số 15/2003/QĐ-BTC ngày 20 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp;
  - Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp;
  - Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn, kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán;
  - Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Hình thức kế toán Công ty áp dụng là kế toán trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**  
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được phản ánh theo ba chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá tài sản cố định ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản cố định khác	3 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản đầu tư tài chính bao gồm đầu tư chứng khoán và tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng. Giá vốn chứng khoán được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

### 5. Nguyên tắc trích lập các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư tài chính khác

Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư tài chính khác được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán (chứng khoán tự doanh) được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán IIà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HSX) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng;

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá thấp nhất trên cơ sở giá giao dịch tối thiểu của ba (03) công ty chứng khoán tại ngày trích lập dự phòng;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn khác được lập cho từng khoản đầu tư căn cứ vào ước tính khả năng thu hồi của từng khoản đầu tư tài chính so với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư tài chính này.

Tăng giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá đầu tư được phản ánh vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm: Chi phí bảo trì phần mềm; Chi phí sử dụng thiết bị đầu cuối; Chi phí quản lý thành viên; Chi phí duy trì kết nối trực tuyến; Chi phí chờ phân bổ khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được phân bổ trong khoảng từ 3 đến 36 tháng.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### 9. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn tất hoặc dựa trên các điều khoản của hợp đồng cung cấp dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### *Cổ tức*

Thu nhập được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

#### 11. **Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra**

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra.

#### 12. **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế phải nộp hiện hành được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### 1. TIỀN VÀ TƯƠNG DƯƠNG TIỀN

*Đơn vị tính: VND*

Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tiền</b>	<b>10.889.559.742</b>	<b>53.613.494.062</b>
Tiền mặt	20.037.214	11.332.365
Tiền gửi ngân hàng	10.869.522.528	53.602.161.697
Trong đó: <i>Tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	<i>8.015.701.154</i>	<i>52.315.311.369</i>
<b>Tương đương tiền</b>	<b>139.312.967.123</b>	<b>156.610.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>150.202.526.865</b>	<b>210.223.494.062</b>

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 9%/năm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 2. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
<b>a) Cửa công ty chứng khoán</b>	<b>21.141.667</b>	<b>358.092.426.600</b>
- Cổ phiếu	21.141.667	358.092.426.600
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
<b>b) Cửa nhà đầu tư</b>	<b>134.585.774</b>	<b>1.043.108.488.100</b>
- Cổ phiếu	134.585.774	1.043.108.488.100
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>155.727.441</b>	<b>1.401.200.914.700</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÁU VIỆT

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 3. CÁC KHOẢN PHẢI THU

*Đơn vị tính: VND*

Chi tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Tăng	(Giảm)	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
- Phải thu của khách hàng	86.278.312	-	465.550.178	(406.448.490)	145.380.000	-	-	-
- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	730.055.019	-	264.635.575.490	(265.298.594.152)	67.036.357	-	-	-
+ Phải thu của Sở/Trung tâm GDCK	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	730.055.019	-	264.235.022.890	(264.898.041.552)	67.036.357	-	-	-
+ Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán	-	-	400.552.600	(400.552.600)	-	-	-	-
+ Phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Phải thu thành viên khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu nội bộ	-	-	9.112.179.426	(9.112.179.426)	-	-	-	-
- Phải thu khác	3.170.081.102	-	3.553.621.656	(5.168.750.331)	1.554.952.427	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.986.414.433</b>	<b>-</b>	<b>277.766.926.750</b>	<b>(279.985.972.399)</b>	<b>1.767.368.784</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 4. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê server máy chủ	15.840.000	-
Chi phí cung cấp dữ liệu giao dịch trực tuyến	10.000.000	-
Chi phí chờ phân bổ khác	16.973.371	14.864.415
<b>Cộng</b>	<b>42.813.371</b>	<b>14.864.415</b>

### 5. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT nộp thừa	8.324.566	-
<b>Cộng</b>	<b>8.324.566</b>	<b>-</b>

### 6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	20.124.701.418	9.256.902.550
Ký quỹ	9.200.000	14.370.000
<b>Cộng</b>	<b>20.133.901.418</b>	<b>9.271.272.550</b>

### 7. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	172.495.711	172.495.711
Tiền nộp bổ sung	2.272.624.220	2.049.241.225
Tiền lãi phân bổ trong năm	5.361.912	5.361.912
<b>Cộng</b>	<b>2.450.481.843</b>	<b>2.227.098.848</b>

### 8. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Đặt cọc thuê văn phòng	263.250.000	263.250.000
<b>Cộng</b>	<b>263.250.000</b>	<b>263.250.000</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 9. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### a. Tình hình đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. Ngắn hạn</b>	<b>47.375.139.538</b>	<b>44.698.072.375</b>
<b>1. Chứng khoán thương mại</b>	<b>82.294.565.643</b>	<b>88.964.611.983</b>
- Cổ phiếu niêm yết	35.389.246.626	33.810.534.148
- Cổ phiếu chưa niêm yết	46.905.319.017	55.154.077.835
<b>2. Đầu tư ngắn hạn khác</b>	<b>19.060.000.000</b>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	19.060.000.000	-
<b>3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>	<b>(53.979.426.105)</b>	<b>(44.266.539.608)</b>
- Cổ phiếu niêm yết	(16.404.305.088)	(15.076.221.573)
- Cổ phiếu chưa niêm yết	(37.575.121.017)	(29.190.318.035)
<b>B. Dài hạn</b>	<b>2.197.044.000</b>	<b>7.615.500.000</b>
<b>1. Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>	<b>24.812.718.098</b>	<b>22.437.718.098</b>
- Cổ phiếu chưa niêm yết	24.812.718.098	22.437.718.098
<b>2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn</b>	<b>(22.615.674.098)</b>	<b>(14.822.218.098)</b>
- Cổ phiếu chưa niêm yết	(22.615.674.098)	(14.822.218.098)
<b>Cộng</b>	<b>49.572.183.538</b>	<b>52.313.572.375</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 9%/năm.

#### b. Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư bị giảm giá/ rủi ro: Xem phụ lục I

### 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	5.389.278.886
Mua trong năm	-
Số dư cuối năm	5.389.278.886
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	4.619.528.682
Khấu hao trong năm	524.924.665
Số dư cuối năm	5.144.453.347
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày đầu năm	769.750.204
Tại ngày cuối năm	244.825.539

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	2.114.182.348	998.130.000	3.249.471.333	6.361.783.681
Thanh lý, nhượng bán	(112.467.065)	-	(672.356.810)	(784.823.875)
Số dư cuối năm	<u>2.001.715.283</u>	<u>998.130.000</u>	<u>2.577.114.523</u>	<u>5.576.959.806</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	1.974.919.957	259.698.645	2.984.503.013	5.219.121.615
Khấu hao trong năm	94.769.381	166.355.004	185.480.660	446.605.045
Thanh lý, nhượng bán	(108.100.476)	-	(646.667.932)	(754.768.408)
Số dư cuối năm	<u>1.961.588.862</u>	<u>426.053.649</u>	<u>2.523.315.741</u>	<u>4.910.958.252</u>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	<u>139.262.391</u>	<u>738.431.355</u>	<u>264.968.320</u>	<u>1.142.662.066</u>
Tại ngày cuối năm	<u>40.126.421</u>	<u>572.076.351</u>	<u>53.798.782</u>	<u>666.001.554</u>

### 12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	9.292.654	1.815.491
Thuế thu nhập cá nhân	63.133.814	52.882.477
<b>Cộng</b>	<b>72.426.468</b>	<b>54.697.968</b>

### 13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí điện nước	21.000.000	23.000.000
Lương ngày phép năm 2012	44.834.000	-
Phí lưu ký chứng khoán	26.000.000	-
Chi phí phải trả khác	107.725.000	154.850.860
<b>Cộng</b>	<b>199.559.000</b>	<b>177.850.860</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Tình hình biến động các khoản vay trong kỳ

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Lãi suất	Số dư đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số dư cuối năm
Vay ngân hàng	-	-	59.450.000.000	(59.450.000.000)	-
+ Mục đích: bổ sung vốn lưu động + Thời hạn: 27 ngày	18%/năm	-	31.450.000.000	(31.450.000.000)	-
+ Mục đích: đầu tư kinh doanh chứng khoán + Thời hạn: 10-38 ngày	16%-17%/năm	-	28.000.000.000	(28.000.000.000)	-
Vay cá nhân	-	-	21.090.000.000	(21.090.000.000)	-
+ Mục đích: bổ sung vốn lưu động + Thời hạn: 1 tháng	18.5%/năm	-	21.090.000.000	(21.090.000.000)	-
<b>Cộng</b>	-	-	<b>80.540.000.000</b>	<b>(80.540.000.000)</b>	-

### 15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỢ KHÁC

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm y tế	9.830.115	9.830.115
Bảo hiểm thất nghiệp	-	6.192.083
Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.017.522	1.555.882
<b>Cộng</b>	<b>33.847.637</b>	<b>17.578.080</b>

### 16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả về thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	-	1.672.375.000
Phải trả Trung tâm giao dịch chứng khoán	7.661.395	20.232.572
Phải trả cho nhà đầu tư về hoạt động giao dịch chứng khoán	8.048.223.307	51.402.424.014
<b>Cộng</b>	<b>8.055.884.702</b>	<b>53.095.031.586</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoạt động tư vấn	50.000.000	360.000.000
Hoạt động quản lý cổ đông	-	97.500.000
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000</b>	<b>457.500.000</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ẦU VIỆT

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số dư cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	(Giảm)	Tăng	(Giảm)		
<b>1</b> Vốn đầu tư của chủ sở hữu	360.000.000.000	360.000.000.000	-	-	-	-	360.000.000.000	360.000.000.000
<b>2</b> Quỹ Dự phòng tài chính	3.776.841.496	3.776.841.496	-	-	-	-	3.776.841.496	3.776.841.496
<b>3</b> Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.388.420.748	3.388.420.748	-	-	-	-	3.388.420.748	3.388.420.748
<b>4</b> LN chưa phân phối	(100.447.330.800)	(141.021.121.685)	-	(40.573.790.885)	-	(10.562.574.779)	(141.021.121.685)	(151.583.696.464)
- Kết quả kinh doanh trong năm	-	-	-	(40.573.790.885)	-	(10.562.574.779)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>266.717.931.444</b>	<b>226.144.140.559</b>	<b>-</b>	<b>(40.573.790.885)</b>	<b>-</b>	<b>(10.562.574.779)</b>	<b>226.144.140.559</b>	<b>215.581.565.780</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 19. DOANH THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	19.451.028.896	20.287.917.939
<b>Cộng</b>	<b>19.451.028.896</b>	<b>20.287.917.939</b>

### 20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Chi phí môi giới kinh doanh	2.524.986.362	1.594.526.332
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	16.128.178.970	23.506.994.374
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	497.710.908	-
Chi phí hoạt động tư vấn	435.380.540	750.000
Chi phí dự phòng	17.506.342.497	37.588.049.424
Chi phí khác	588.028.701	6.205.791.277
<b>Cộng</b>	<b>37.680.627.978</b>	<b>69.534.714.372</b>

### 21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.869.358.115	4.826.590.261
Chi phí vật liệu quản lý	27.627.200	149.659.261
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	109.823.000	187.006.585
Chi phí khấu hao TSCĐ	920.597.143	1.805.624.815
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.568.196.794	4.343.874.898
Chi phí khác bằng tiền	614.468.817	1.201.063.435
<b>Cộng</b>	<b>7.113.071.069</b>	<b>12.517.819.255</b>

### 22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các năm tài chính chưa quyết toán 2007, 2008, 2009, 2010, 2011 và 2012. Các khoản khấu trừ thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thuế thu nhập hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ từ các khoản lỗ tính thuế chuyển sang các năm sau chưa được ghi nhận vì không có các đảm bảo chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng các khoản lỗ tính thuế.

### 23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế (1)	(10.562.574.779)	(40.573.790.885)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (2)	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (3) = (1) + (2)	(10.562.574.779)	(40.573.790.885)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (4)	36.000.000	36.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5) = (3)/(4)	(293)	(1.127)

### 24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

#### a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Những giao dịch của Công ty với thành viên hội đồng quản trị, ban điều hành và các cá nhân có liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Dịch vụ môi giới chứng khoán	43.312.559	148.309.227
Dịch vụ mua quyền nhận tiền bán chứng khoán và hỗ trợ nhận quyền bán chứng khoán	6.095.576	278.041.904
Tạm ứng tiền bán chứng khoán	14.006.979.124	14.976.718

Số dư công nợ phải thu/(phải trả) của các bên có liên quan

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán		
- Hội đồng quản trị	(303.376.379)	(838.991.931)
- Ban điều hành	-	(76.405.230)
- Các bên liên quan khác	(2.039.095)	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Đơn vị tính: VND

Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Thù lao, tiền lương và các khoản tính theo lương	993.591.980	1.306.770.826
Tiền thưởng, lương tháng 13	65.200.000	164.591.300
<b>Cộng</b>	<b>1.058.791.980</b>	<b>1.471.362.126</b>

### 24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN (tiếp theo)

#### b. Giao dịch với các bên có liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Kim Cương	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Bất động sản Thái Bình Dương (*)	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Đầu tư My Vy	Công ty có cùng thành viên HĐQT

(\*) Kể từ ngày 18 tháng 6 năm 2012, Công ty và Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Bất động sản Thái Bình Dương không còn là các bên liên quan.

Những giao dịch của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Kim Cương</b>		
- Môi giới mua bán chứng khoán	-	32.656.093
- Dịch vụ mua quyền nhận tiền bán chứng khoán và hỗ trợ nhận quyền bán chứng khoán	-	30.891.960
<b>Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Bất động sản Thái Bình Dương</b>		
- Môi giới mua bán chứng khoán	51.423	-
<b>Công ty TNHH MTV Đầu tư My Vy</b>		
- Môi giới mua bán chứng khoán	-	9.351.000
- Dịch vụ mua quyền nhận tiền bán chứng khoán và hỗ trợ nhận quyền bán chứng khoán	-	449.819.839

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ÂU VIỆT

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số dư công nợ phải thu/(phải trả) của các bên có liên quan

*Đơn vị tính: VND*

Các bên liên quan	Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Kim Cương	Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán	(1.272.733)	(59.785.615)
Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Bất động sản Thái Bình Dương	Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán	-	(4.128.126)
Công ty TNHH MTV Đầu tư My Vy	Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán	-	(616.763)

### 25. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	549.516.000	1.124.712.000
Trên 1 năm đến 5 năm	-	1.124.712.000
<b>Cộng</b>	<b>549.516.000</b>	<b>2.249.424.000</b>

Công ty thuê văn phòng dưới hình thức thuê hoạt động.

Hợp đồng thuê có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### 26. TÍNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Theo Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 1 năm 2013 của Hội đồng quản trị Công ty, Công ty dự kiến tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 vào tháng 3 năm 2013. Một số nội dung quan trọng dự thảo xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Xin rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán, nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán, nghiệp vụ lưu ký, nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Hủy niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX);
- Thanh lý tài sản, giải thể Công ty theo qui định của pháp luật hiện hành.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 vẫn được lập trên giả định hoạt động liên tục do các nội dung nêu trên chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thời gian thực hiện các nội dung trên (nếu có) có thể kéo dài đến năm 2014.

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá trị trường				Tổng giá trị theo giá trị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng		Giảm		Cuối năm	Đầu năm
					Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm		
A. Ngân hàng	5.590.286	5.081.380	81.872.967.818	88.950.605.256	6.053.087	1.531.652	(53.979.426.105)	(44.266.539.608)	27.899.594.800	44.685.597.300
I. Chứng khoán thương mại	5.590.286	5.081.380	81.872.967.818	88.950.605.256	6.053.087	1.531.652	(53.979.426.105)	(44.266.539.608)	27.899.594.800	44.685.597.300
- Cổ phiếu niêm yết	2.689.826	2.033.057	34.967.648.801	33.798.359.723	6.053.087	1.531.652	(16.404.305.088)	(15.077.439.075)	18.569.396.800	18.722.452.300
AAM	89	4	2.008.793	95.848	198.407	-	-	(6.648)	2.207.200	89.200
ACB	239	31	3.485.081	732.175	410.619	-	-	(62.575)	3.895.700	669.600
ACC	4	10.894	64.040	264.398.949	38.760	-	-	(68.306.949)	102.800	196.092.000
ACL	493.692	14	8.482.114.441	194.400	-	46.400	(2.261.595.241)	-	6.220.519.200	240.800
AGR	22	5	129.000	51.900	-	-	(8.000)	(29.900)	121.000	22.000
APC	13	18	143.410	221.348	-	39.652	(10.810)	-	132.600	261.000
ASP	2	12	23.300	139.800	-	-	(14.300)	(97.800)	9.000	42.000
BBS	37.000	-	278.461.706	-	-	-	(4.661.706)	-	273.800.000	-
BCC	50	50	585.000	585.000	-	-	(375.000)	(430.000)	210.000	155.000
BCI	24	6	407.990	174.590	-	-	(38.390)	(85.190)	369.600	89.400
BKC	4	38	25.872	309.677	5.328	-	-	(47.477)	31.200	262.200
BMC	20	8	685.690	421.690	286.310	-	-	(216.090)	972.000	205.600
BVH	5	5	265.500	271.500	-	-	(73.500)	(66.500)	192.000	205.000
BVS	84	24	1.201.353	625.353	-	-	(210.153)	(411.753)	991.200	213.600
C92	92	92	2.116.000	2.254.000	-	-	(1.472.000)	(1.416.800)	644.000	837.200
CAD	4	4	55.850	55.850	-	-	(49.450)	(49.050)	6.400	6.800
CIC	46	50	83.550	145.000	13.050	-	-	(50.000)	96.600	95.000
CMV	5	5	101.000	109.500	-	5.500	(8.500)	-	92.500	115.000
CSM	35	7	701.521	144.786	110.479	-	-	(82.486)	812.000	62.300
CT6	17	17	192.900	223.500	-	-	(73.900)	(87.500)	119.000	136.000



Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		So với giá trị trường				Tổng giá trị theo giá trị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng		Giảm		Cuối năm	Đầu năm
					Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm		
CTD	3	3	166.800	172.800	-	-	(77.700)	(82.800)	89.100	90.000
CTG	35	22	579.943	450.400	144.557	-	-	(61.000)	724.500	389.400
CTM	20	76	130.812	1.468.000	-	-	(66.812)	(1.209.600)	64.000	258.400
D2D	1	1	41.400	43.900	-	-	(24.600)	(28.000)	16.800	15.900
DAC	40	40	2.148.000	2.148.000	-	-	(1.548.000)	(1.388.000)	600.000	760.000
DBC	63	65	1.119.909	863.200	171.591	-	-	(50.700)	1.291.500	812.500
DC4	50	50	430.000	495.000	-	-	(80.000)	(220.000)	350.000	275.000
DCS	12	80	76.279	980.000	-	-	(33.079)	(684.000)	43.200	296.000
DHC	36	5	225.792	62.492	-	-	(20.592)	(28.492)	205.200	34.000
DIG	30	11.866	422.899	200.163.641	-	-	(38.899)	(76.757.241)	384.000	123.406.400
DIH	-	201.400	-	4.373.406.994	-	-	-	(2.580.946.994)	-	1.792.460.000
DMC	14	14	337.373	389.173	68.627	-	-	(96.573)	406.000	292.600
DPM	5	5	171.248	191.290	7.752	-	-	(72.290)	179.000	119.000
DQC	19	14	227.500	178.500	122.100	-	-	(23.100)	349.600	155.400
DRC	56	38	1.481.810	1.204.000	-	-	(42.610)	(554.200)	1.439.200	649.800
DRH	6	6	22.800	22.800	-	-	(7.800)	(4.800)	15.000	18.000
DTL	36	5	454.300	82.000	2.900	-	-	(5.000)	457.200	77.000
DXP	15	15	491.000	566.000	2.500	-	-	(206.000)	493.500	360.000
EBS	96	96	820.800	916.800	-	-	(62.400)	(340.800)	758.400	576.000
EID	20	20	168.000	198.000	30.000	-	-	(68.000)	198.000	130.000
FCN	6	-	140.175	-	-	-	(33.975)	-	106.200	-
FDC	15	15	417.400	417.400	-	-	(93.400)	(49.900)	324.000	367.500
GDW	30	-	333.000	-	-	-	(36.000)	-	297.000	-

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá trị trường				Tổng giá trị theo giá trị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng		Giảm		Cuối năm	Đầu năm
					Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm		
GGG	64	38	130.944	308.083	-	-	(60.544)	(205.483)	70.400	102.600
GMC	7	7	89.600	107.100	43.400	-	-	(4.200)	133.000	102.900
GMD	69	18	1.189.729	395.929	59.171	-	-	(73.729)	1.248.900	322.200
GTA	9	9	51.783	59.883	13.017	-	-	(1.383)	64.800	58.500
HAG	28	7	566.574	195.374	38.226	-	-	(58.874)	604.800	136.500
HAP	70	24	261.000	95.000	82.000	-	-	(15.800)	343.000	79.200
HAX	13	12	101.700	98.700	-	-	(57.500)	(41.100)	44.200	57.600
HBC	45	17	620.675	546.275	-	-	(35.675)	(156.975)	585.000	389.300
HBS	90	90	1.161.000	1.161.000	-	99.000	(621.000)	-	540.000	1.260.000
HCM	7	7	332.500	347.200	-	-	(181.300)	(249.200)	151.200	98.000
HDG	14	6	393.315	327.315	-	-	(215.515)	(264.915)	177.800	62.400
HJS	50	-	330.000	-	-	-	(10.000)	-	320.000	-
HLA	-	20	-	350.400	-	-	-	(266.400)	-	84.000
HLG	5	5	47.000	52.500	-	-	(3.000)	-	44.000	52.500
HNM	80	80	1.104.000	1.104.000	-	-	(704.000)	(736.000)	400.000	368.000
HPC	68	87	415.606	1.126.175	-	-	(157.206)	(847.775)	258.400	278.400
HSG	48	18	693.500	256.200	228.100	-	-	(106.800)	921.600	149.400
HTI	9	9	74.700	74.700	-	-	(37.800)	(48.600)	36.900	26.100
HVG	14	10	419.200	410.000	-	-	(93.000)	(209.000)	326.200	201.000
ICG	92	8	481.850	78.650	134.550	-	-	(13.050)	616.400	65.600
ITA	81	8	382.235	126.235	-	-	(1.535)	(74.235)	380.700	52.000
ITC	4	4	146.376	148.376	-	-	(113.976)	(119.176)	32.400	29.200
KBC	15	5	189.000	143.500	-	-	(100.500)	(93.000)	88.500	50.500
KDC	18	27	540.679	721.190	179.321	-	-	(19.190)	720.000	702.000

KHA	15	7	168,593	108,693	32,407	-	-	-	(50,593)	201,000	58,100
KLS	105	60	916,598	1,365,589	-	-	(24,098)	(891,589)	892,500	892,500	474,000
KMR	37	12	155,000	97,800	-	-	(40,300)	(61,800)	114,700	114,700	36,000
KSA	2	2	12,600	12,600	8,000	-	-	(4,600)	20,600	20,600	8,000
KSB	2	17,240	58,187	928,143,462	-	-	(20,987)	(288,539,462)	37,200	37,200	639,604,000
L62	50	50	285,000	325,000	-	285,000	(5,000)	-	280,000	280,000	610,000
LAF	6	75,585	65,162	1,157,186,481	-	-	(41,762)	(68,762,481)	23,400	23,400	1,088,424,000
LCG	43	43	1,035,400	1,056,900	-	-	(695,700)	(695,700)	339,700	339,700	361,200
MCG	1	1	15,200	15,200	-	-	(11,400)	(8,300)	3,800	3,800	6,900
MCV	20	20	344,900	344,900	-	-	(272,900)	(286,900)	72,000	72,000	58,000
MHC	32	18	88,600	58,600	1,000	-	-	(17,200)	89,600	89,600	41,400
MIC	211	38	2,480,307	538,407	157,193	-	-	(147,007)	2,637,500	2,637,500	391,400
NAG	30	-	102,000	-	-	-	(18,000)	-	84,000	84,000	-
NBP	20,000	-	278,260,000	-	-	-	(24,260,000)	-	254,000,000	254,000,000	-
NDN	32	28	243,600	243,600	-	5,600	(70,800)	-	172,800	172,800	249,200
NHC	51	51	1,841,100	1,968,600	-	-	(872,100)	(695,600)	969,000	969,000	1,275,000
ONE	43	85	365,360	859,633	-	-	(21,360)	(434,633)	344,000	344,000	425,000
PET	19	14	222,266	329,118	15,234	-	-	(161,118)	237,500	237,500	168,000
PFL	50	50	628,396	628,396	-	-	(493,396)	(453,396)	135,000	135,000	175,000
PGC	42	27	427,672	320,172	21,728	-	-	(187,872)	449,400	449,400	132,300
PGT	65	65	201,152	208,000	19,848	-	-	(6,500)	221,000	221,000	201,500
PIT	29	20	233,400	190,500	-	-	(53,600)	(38,500)	179,800	179,800	152,000
PLC	62	84	863,211	1,394,430	147,389	-	-	(210,030)	1,010,600	1,010,600	1,184,400
PMC	5	5	77,867	96,867	69,633	-	-	(11,867)	147,500	147,500	85,000

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng		Giảm		Cuối năm	Đầu năm
					Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm		
PNC	16	14	79.400	72.800	-	-	(18.600)	(22.400)	60.800	50.400
POT	3	3	36.900	37.800	-	-	(9.300)	(14.400)	27.600	23.400
PPC	20	15	229.990	190.990	8.010	-	-	(85.990)	238.000	105.000
PPI	114	12.513	499.972	133.958.017	-	-	(21.172)	(72.644.317)	478.800	61.313.700
PSI	115	25	412.500	97.500	47.500	-	-	(20.000)	460.000	77.500
PTS	20	20	132.000	162.000	2.000	-	-	(26.000)	134.000	136.000
PVA	65	20	924.500	722.000	-	-	(521.500)	(608.000)	403.000	114.000
PVC	73	60	822.551	798.867	133.749	-	-	(78.867)	956.300	720.000
PVD	11	11	423.670	442.162	-	-	(11.170)	(76.962)	412.500	365.200
PVE	8	8	65.364	82.548	-	-	(2.164)	(4.948)	63.200	77.600
PVG	40	40	498.502	802.000	-	-	(174.502)	(418.000)	324.000	384.000
PVS	67	67	854.502	1.087.609	70.098	-	-	(69.209)	924.600	1.018.400
PVT	22	22	88.400	88.400	1.800	-	-	(20.200)	90.200	68.200
PVX	210	15	896.861	184.086	258.139	-	-	(83.586)	1.155.000	100.500
PXL	5	5	19.500	19.500	-	-	(3.000)	(1.500)	16.500	18.000
QNC	66	20	358.286	156.000	4.714	-	-	(12.000)	363.000	144.000
RAL	22.600	-	731.264.883	-	-	-	(159.484.883)	-	571.780.000	-
RIC	26	18	378.700	368.400	-	-	(233.100)	(273.000)	145.600	95.400
S55	68	68	2.811.300	2.947.300	-	-	(1.444.500)	(2.029.300)	1.366.800	918.000
S96	50	20	661.833	598.833	-	-	(451.833)	(490.833)	210.000	108.000
S99	145	30	667.362	442.500	28.638	-	-	(289.500)	696.000	153.000
SAF	5	5	79.423	91.923	34.577	-	-	(21.923)	114.000	70.000
SC5	12	4	226.000	123.600	-	-	(59.200)	(91.200)	166.800	32.400
SD2	11	32	70.407	298.230	-	-	(8.807)	(119.030)	61.600	179.200

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		So với giá trị trưởng			Tổng giá trị theo giá trị trưởng		
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng		Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
					Cuối năm	Đầu năm				
SD6	232	70	1.219.000	441.000	242.600	-	-	(28.000)	1.461.600	413.000
SDA	61	76	477.088	880.000	-	-	(184.288)	(484.800)	292.800	395.200
SDD	69	10	189.122	40.000	31.678	-	-	(9.000)	220.800	31.000
SDP	60	60	903.000	933.000	-	-	(675.000)	(687.000)	228.000	246.000
SDS	50	50	815.000	815.000	-	-	(610.000)	(560.000)	205.000	255.000
SFI	27	15	366.500	207.200	92.500	-	-	(27.200)	459.000	180.000
SGT	19	3	85.800	35.100	-	-	(300)	(12.000)	85.500	23.100
SHB	323	17	1.600.051	159.451	305.649	-	-	(59.151)	1.905.700	100.300
SHI	6	6	127.200	130.200	-	-	(91.200)	(102.600)	36.000	27.600
SHN	28	88	217.194	960.885	-	-	(183.594)	(635.285)	33.600	325.600
SKS	50	50	615.000	615.000	-	-	(190.000)	(330.000)	425.000	285.000
SMC	41	29	652.500	622.800	-	-	(140.000)	(402.400)	512.500	220.400
SPP	50	50	995.000	1.020.000	-	105.000	(655.000)	-	340.000	1.125.000
SRB	94	94	1.229.000	1.229.000	-	-	(984.600)	(928.200)	244.400	300.800
SRC	31	18	292.100	146.700	151.200	-	-	(36.900)	443.300	109.800
SSI	6	6	118.926	118.062	-	-	(21.126)	(35.862)	97.800	82.200
SSM	37	37	162.800	214.600	62.900	-	-	(18.500)	225.700	196.100
STG	5	5	115.500	120.500	-	-	(28.500)	(40.500)	87.000	80.000
STL	50	50	1.410.000	1.410.000	-	-	(1.195.000)	(1.095.000)	215.000	315.000
TC6	30	30	231.000	291.000	129.000	-	-	(36.000)	360.000	255.000
TCL	291	20	3.992.700	363.600	401.400	-	-	(31.600)	4.394.100	332.000
TCM	8	2	52.505	27.800	-	-	(6.105)	(11.000)	46.400	16.800
TCR	29	23	126.000	123.600	1.600	-	-	(4.000)	127.600	119.600

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		So với giá trị trường			Tổng giá trị theo giá trị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng	Giảm		Cuối năm	Đầu năm
						Cuối năm	Đầu năm		
TKC	220	-	938.400	-	-	(36.400)	-	902.000	-
TKU	20	60	89.000	270.000	11.000	-	(12.000)	100.000	258.000
TLH	46	1	175.800	5.100	58.800	-	(400)	234.600	4.700
TMT	8	8	42.400	42.400	-	(4.800)	-	37.600	55.200
TNG	50	50	320.000	400.000	35.000	-	(75.000)	355.000	325.000
IPP	30	80	269.769	790.000	57.231	-	(358.000)	327.000	432.000
TS4	9	3	95.700	49.800	-	(15.600)	(24.900)	80.100	24.900
TTC	118	68	801.600	566.600	-	(176.200)	(389.800)	625.400	176.800
TV2	58	58	806.200	922.200	-	(191.400)	(452.400)	614.800	469.800
TYA	9	9	42.100	42.100	-	(9.700)	(17.800)	32.400	24.300
UNI	21	19	103.600	91.200	62.300	-	(19.000)	165.900	72.200
VC6	50	50	313.250	360.000	-	(8.250)	-	305.000	380.000
VC9	50	50	297.500	305.000	-	(17.500)	(20.000)	280.000	285.000
VCB	112	87	2.741.600	2.306.800	304.800	-	(410.200)	3.046.400	1.896.600
VCG	270	61	1.776.041	556.232	518.959	-	(13.332)	2.295.000	542.900
VDS	30	6	123.000	24.600	-	(6.000)	(3.600)	117.000	21.000
VE9	5	5	47.440	47.440	-	(20.940)	(10.440)	26.500	37.000
VFG	19	4	743.896	216.096	6.604	-	(56.096)	750.500	160.000
VGP	99	99	1.319.851	356.400	-	(102.151)	-	1.217.700	1.267.200
VHC	8	8	211.760	227.760	-	(12.560)	(560)	199.200	227.200
VIP	6	6	108.000	111.000	-	(70.800)	(85.800)	37.200	25.200
VIT	20	20	210.000	210.000	-	(116.000)	(108.000)	94.000	102.000
VMD	1	1	17.100	19.100	-	(2.700)	-	14.400	21.000

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		So với giá thị trường			Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng	Giảm		Cuối năm	Đầu năm
						Cuối năm	Đầu năm		
VMG	50	50	495.000	495.000	-	(280.000)	(280.000)	215.000	215.000
VNE	8	8	53.048	72.000	-	(1.848)	(48.000)	51.200	24.000
VPH	7	7	112.900	112.900	-	(81.400)	(83.500)	31.500	29.400
VPK	7	7	56.000	56.000	126.000	-	(10.500)	182.000	45.500
VRC	2.108.907	1.699.117	25.112.384.172	26.673.807.146	-	(13.935.177.072)	(11.891.489.246)	11.177.207.100	14.782.317.900
VSC	24	24	844.200	940.200	-	(37.800)	(309.000)	806.400	631.200
VSH	35	20	359.056	191.445	1.444	-	(25.445)	360.500	166.000
VSP	61	16	180.052	121.552	-	(100.752)	(41.552)	79.300	80.000
VTC	136	35	611.600	332.800	-	(244.400)	(245.300)	367.200	87.500
VTO	56	35	389.200	331.300	-	(131.600)	(180.800)	257.600	150.500
- Cổ phiếu chưa niêm yết	2.900.460	3.048.323	46.905.319.017	55.152.245.533	-	(37.575.121.017)	(29.189.100.533)	9.330.198.000	25.963.145.000
BDSII	-	200.000	-	3.358.333.333	-	(2.158.333.333)	(2.158.333.333)	-	1.200.000.000
CLP	387.000	387.000	10.225.211.000	10.418.711.000	-	(7.516.211.000)	(4.613.711.000)	2.709.000.000	5.805.000.000
FECON	-	229.626	-	5.364.634.000	-	-	(2.379.496.000)	-	2.985.138.000
MSB	1.658.104	1.450.841	23.195.766.400	23.195.766.400	-	(18.221.454.400)	(13.039.879.400)	4.974.312.000	10.155.887.000
PVMACHINO	700.000	700.000	10.850.000.000	10.850.000.000	-	(9.800.000.000)	(6.650.000.000)	1.050.000.000	4.200.000.000
UTXI	74.500	-	745.000.000	-	-	(633.250.000)	-	111.750.000	-
VIDIPHA	80.856	80.856	1.889.341.617	1.964.800.800	-	(1.404.205.617)	(347.680.800)	485.136.000	1.617.120.000

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		So với giá trị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng		Giảm		Cuối năm	Đầu năm
					Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm		
<b>B. Dấu hạn</b>			24.812.718,098	22.437.718,098	-	-	(22.615.674,098)	(14.822.218,098)	2.197.044,000	7.615.500,000
<b>I. Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>	673.931	548.931	24.812.718,098	22.437.718,098	-	-	(22.615.674,098)	(14.822.218,098)	2.197.044,000	7.615.500,000
- Có phiếu chưa niêm yết										
CPTN	498.680	373.680	20.006.392,898	17.631.392,898	-	-	(18.510.352,898)	(13.520.912,898)	1.496.040,000	4.110.480,000
HNP	175.251	175.251	4.806.325,200	4.806.325,200	-	-	(4.105.321,200)	(1.301.305,200)	701.004,000	3.505.020,000
<b>Cộng</b>	<b>5.590.286</b>	<b>5.081.380</b>	<b>106.685.685,916</b>	<b>111.388.323,354</b>	<b>6.053.087</b>	<b>1.531.652</b>	<b>(76.595.100,203)</b>	<b>(59.088.757,706)</b>	<b>30.096.638,800</b>	<b>52.301.097,300</b>



Mọi thông tin xin liên hệ :

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Âu Việt.

Lầu 3, tòa nhà Savimex, 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Q.1,  
Tp.HCM.

ĐT. +84 .8 3821.6789 - Fax: +84 .8.821.3399

[www.avsc.com.vn](http://www.avsc.com.vn)

Email: [info@avs.com.vn](mailto:info@avs.com.vn)

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2013

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**ĐOÀN ĐỨC VINH**

C. P. H. Q. 1